TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-PT
Ngày 14-01-2021
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;

Bà Trần Thị Thanh Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 348/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc "tranh chấp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 324/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Anh T (tên gọi khác: L), sinh năm 1974; địa chỉ: Số C (số mới D), đường N, Phường E, quận G, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1978; địa chỉ: Số A, khu phố D, Phường B, thị xã K, tỉnh L (Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2020).

- *Bị đơn:*

1. Ông Võ Văn N, sinh năm 1962; địa chỉ: Số N, đường V, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Kim L (tên gọi khác: N), sinh năm 1967; địa chỉ: Số B, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Phan Văn B, sinh năm 1980; địa chỉ: Số B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1965; địa chỉ: Số E, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Phan Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T là ông Nguyễn Hữu L trình bày:* Vào năm 2017, ông Nguyễn Anh T tham gia chơi 02 dây trong 3 dây hụi do bà Nguyễn Thị Kim L (N) làm chủ. Trong đó cả 02 dây hụi đều có 15 người tham gia và mỗi dây có 21 phần, đóng hụi mỗi dây là 20.000.000 đồng/tháng/phần, ông T tham gia dây 1 và dây 2 mỗi dây hụi là 01 phần, tổng cộng 02 phần. Theo thỏa thuận, 02 dây hụi khui cùng ngày, mỗi tháng khui 1 lần, thành viên nào bỏ lãi cao thì được hốt hụi, người hốt hụi sẽ thanh toán tiền hoa hồng cho chủ hụi. Bà Nguyễn Thị Kim L (N) vừa làm chủ hụi vừa tham gia với tư cách thành viên. Trong các dây hụi trên thì ông Võ Văn N chơi 2 dây mỗi dây 02 phần. Bà Nguyễn Thị Kim L (N) chơi 02 dây mỗi dây 1 phần. Ông Phan Văn B chơi 2 dây mỗi dây 1 phần. Ông T đã đóng 3 kỳ liên tiếp với tổng số tiền: 3 kỳ x 2 phần/2 dây x 20.000.000 đồng/dây = 120.000.000 đồng. Các dây hụi đã được khui 03 kỳ, cụ thể:

Kỳ 1: Khui ngày 15/6/2017, bỏ lãi 3.000.000 đồng/phần. Dây 1: Có 02 phần thành viên không đóng. Bà Nguyễn Thị Kim L (N) hốt số tiền 306.000.000 đồng. Dây 2: Có 02 phần thành viên không đóng. Ông Võ Văn N hốt số tiền 323.000.000 đồng, cấn trừ hụi ông N phải đóng, số tiền ông hốt thực tế là 238.000.000 đồng.

Kỳ 2: Khui ngày 14/7/2017, bỏ lãi 5.200.000 đồng/phần, có 02 phần thành viên không đóng cho 2 dây. Ông Võ Văn N hốt hết 02 dây, số tiền 569.000.000 đồng.

Kỳ 3: Khui ngày 18/8/2017, bỏ lãi 4.500.000 đồng/phần. Dây 1 và dây 2, có 02 phần thành viên không đóng. Ông Phan Văn B hốt 02 dây với tổng số tiền: 638.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà các bị đơn hốt hụi có tiền của ông T đóng vào và hưởng lãi của hụi như sau: Ông N: hốt hụi 807.000.000 đồng trong đó có tiền của ông T là 60.000.000 đồng. Bà L (N): hốt hụi 306.000.000 đồng trong đó có tiền của ông T là 20.000.000 đồng. Ông B hốt hụi 638.000.000 đồng trong đó có tiền của ông T là 40.000.000 đồng.

Tuy nhiên sau khi hụi khui được 3 kỳ, ông N, bà L (N) và ông B là những người đã hốt hụi trước không đóng lại phần hụi theo thỏa thuận để những thành viên khác chưa hốt trong đó có ông T được quyền hốt trong các kỳ tiếp theo. Bà L (N) là chủ hụi không điều hành tiếp tục duy trì hoạt động 02 dây hụi cũng nhưng không có thỏa thuận nào giữa các thành viên đối với chủ hụi trong việc thực hiện trách nhiệm đóng hụi thay cho thành viên khi các thành viên không đóng. Sau 3 kỳ khui hụi, các dây hụi không tiếp tục hoạt động từ tháng 9/2017 cho đến nay. Do đó, việc không đóng hụi của các thành viên đã hốt hụi đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Năm 2018, ông T có yêu cầu các bị đơn hoàn trả hụi đã hốt thì được hoàn trả một phần tiền trong đó: Ông N hoàn trả 30.079.664 đồng; bà L (N) hoàn trả: 4.518.014 đồng; ông B hoàn trả: 22.154.784 đồng. Số tiền hụi các bị đơn còn

nợ ông T là: Ông N còn nợ 29.920.336 đồng; bà L (N) còn nợ 15.481.986 đồng; ông B còn nợ 17.845.216 đồng. Do các bị đơn đã hốt hụi nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi như thỏa thuận ban đầu đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T, sau này đã hoàn trả một phần nhưng vẫn còn nợ lại ông T tiền hụi và ông T đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng các bị đơn cố tình không trả.

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2020, ông T yêu cầu các bị đơn phải trả tiền hụi còn nợ và bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán hụi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Cụ thể:

+ Buộc ông Võ Văn N hoàn trả 29.920.336 đồng nợ hụi và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 8.094.789 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày), lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 38.015.126 đồng.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Kim L (N) hoàn trả 15.481.986 đồng nợ hụi và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 4.188.570 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày) lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 19.670.556 đồng.

+ Buộc ông Phan Văn B hoàn trả 17.845.216 đồng nợ hụi và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 4.827.929 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày) lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 22.673.145 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu L là người đại diện hợp pháp của ông T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán hụi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Ông T chỉ yêu cầu các bị đơn trả số tiền hụi còn nợ cụ thể đối với từng bị đơn như sau:

+ Buộc ông Võ Văn N hoàn trả 29.920.336 đồng tiền nợ hụi.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Kim L (N) hoàn trả 15.481.986 đồng tiền nợ hụi.

+ Buộc ông Phan Văn B hoàn trả 17.845.216 đồng tiền nợ hụi.

- *Bị đơn ông Võ Văn N trình bày:* Ông Võ Văn N có quen biết do làm ăn chung với bà Nguyễn Thị Kim N, còn bà Nguyễn Thị Kim L chỉ biết là em gái của bà N. Ông Nguyễn Anh T cùng tham gia chơi hụi với ông N. Khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2017, bà N có rủ ông N cùng chơi hụi cùng với những người bạn, trong đó có 01 số người mà ông N quen biết. Đến tháng 6 năm 2017 bắt đầu chính thức chơi và khui hụi. Tất cả có 03 dây hụi, mỗi dây có 21 phần. Ông N tham gia 03 dây, mỗi dây 02 phần, tổng cộng 06 phần. Chủ hụi là bà N với các lý do: Bà N là người trực tiếp vận động ông N và những người khác tổ chức chơi hụi; thu tiền hụi của các hụi viên; hướng dẫn cách thức điều hành dây hụi cho bà L (do bà L không biết cách thức điều hành dây hụi như thế nào, bà L cũng không kêu gọi, gợi ý các anh chị em tham gia chơi hụi; không nhận tiền đóng hụi từ các hụi viên, không nhận tiền hoa hồng từ ông N) nhằm tạo điều kiện cho bà L có thu nhập; khi ông N hốt hụi thì tiền hoa hồng bà N là người giữ lại. Do đó, ông N khẳng định bà N là chủ hụi, còn bà L chỉ là người chứng kiến, phụ giúp cho bà N. Trong 3 dây hụi trên, ông N đã hốt 04 phần cụ thể: Dây 02: Khui ngày 15/6/2017, hốt 01 phần (bỏ

lãi 3.000.000 đồng), mỗi phần 20.000.000 đồng/hụi viên, sau khi trừ lãi thì mỗi người đóng là 17.000.000 đồng, ông N hốt được 323.000.000 đồng, ông N đã đóng tiền hoa hồng cho bà N là 10.000.000 đồng. Ngày 14/7/2017, khui hết 03 dây, ông N hốt hết 03 phần (bỏ lãi 5.200.000 đồng), mỗi hụi viên đóng là 14.800.000 đồng, ông N hốt được tổng 854.000.000 đồng, ông N đóng tiền hoa hồng cho bà N 30.000.000 đồng. Số tiền hoa hồng trên bà N là người giữ, còn bà N chia cho ai thì ông không biết. Tổng cộng số tiền ông N hốt 04 phần 1.177.000.000 đồng bà N chỉ đưa cho ông N tiền hụi của kỳ đầu tiên còn các kỳ sau thì bà N không đưa lại cho ông N mà giữ lại đồng thời ông đưa thêm cho bà N 23.000.000 đồng tổng là 1.200.000.000 đồng để bà N mua cổ phần FPT cho ông. Số tiền này hiện nay đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương xác định là số tiền bà N lừa đảo chiếm đoạt của ông N và ông là bị hại trong vụ án khởi tố đó. Từ 9 năm 2017, các dây hụi trên không hoạt động nữa, do việc mua cổ phần FPT là không có thật. Sau đó, bà N bị cơ quan điều tra truy tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, ông N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu trả tiền hụi, ông N xác định trách nhiệm trả tiền là của cả ông N và bà N cùng có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Anh T đối với kỳ hụi đầu tiên mà ông N hốt, còn các kỳ sau ông N không đồng ý trả cho ông T mà trách nhiệm hoàn toàn thuộc về bà N và khi nào ông N được thi hành phần trách nhiệm dân sự trong bản án hình sự đối với bà Nguyễn Thị Kim N thì ông N mới trả tiền hụi lại cho ông T.

- *Bị đơn ông Phan Văn B trình bày:* Ông B có tham gia chơi 02 trong 03 dây hụi như nguyên đơn trình bày. Ba dây hụi trên là do bà Nguyễn Thị Kim N làm chủ những người chơi hụi là những người tham gia mua cổ phần FPT. Sau khi phát hiện việc mua cổ phần FPT là không có thật thì bà N đã đồng ý bán tài sản của bà N để trả lại tiền cho những người mua cổ phần FPT và những người này ép những người đã hốt hụi trả tiền cho những người chưa hốt hụi. Trong số tiền mà ông B được bà N trả thì có 01 phần bị giữ lại để chia cho những người chưa hốt hụi, bà N là chủ hụi nên bà N phải có trách nhiệm đối với những người chơi hụi, do bà N bị bắt giam nên ông B đã có thiện chí trả 01 phần tiền hụi cho những người chưa hốt hụi. Vì vậy, ông B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu trả tiền hụi còn nợ ông B xác định cả ông B và bà N cùng có trách nhiệm trả cho ông T tiền hụi và khi nào ông B được thi hành phần trách nhiệm dân sự trong bản án hình sự đối với bà Ngọc thì ông B mới trả tiền hụi lại cho ông T và ông B chỉ trả tiền cho ông T theo tỷ lệ tài sản mà ông B được chia trong bản án hình sự.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:* Bà Nguyễn Thị Kim L là em gái ruột của bà Nguyễn Thị Kim N (thường gọi là N), mọi người thường gọi bà L là N. Khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2017, bà N cùng với nhóm bạn trong tập thể mua cổ phần FPT có lập 03 dây hụi, mỗi dây tham gia chơi là 20.000.000đồng/01 phần. Do không có điều kiện để mua cổ phần của FPT nên bà N cùng với nhóm bạn cùng đề cử bà L làm chủ hụi để được hưởng tiền hoa hồng. Bà L làm chủ hụi cả 03 dây hụi đồng thời tham gia với tư cách người chơi hụi 02 dây là dây 01 và dây 02, việc bà L làm chủ hụi chỉ trên hình thức và nhận tiền hoa hồng của mỗi kỳ. Đến kỳ đóng tiền thì các hụi viên đóng cho bà L nhưng ngay sau khi các hụi viên đóng tiền thì bà L chuyển luôn số tiền mà các hụi viên đã đóng cho hụi viên hốt hụi của kỳ đó. Còn việc bà L tham gia chơi hụi là do bà N đóng tiền và bà N cũng là người hốt hụi phần của bà L, số tiền bao nhiêu thì bà L cũng không biết (vì bà L không được

nhận) và bà N sử dụng luôn số tiền này. Nay ông Nguyễn Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L hoàn trả tiền nợ hụi. Bà L khẳng định không hốt hụi của các hụi viên mà do bà N hốt phần hụi của bà L nên bà Nguyễn Thị Kim N phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Anh T số tiền hụi trên.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:* Ông Nguyễn Anh T tham gia chơi 02 dây hụi dây 1, dây 2 mỗi dây 01 phần. Bà N tham gia chơi 03 dây trong đó dây 1, dây hai bà N tham gia 02 phần, còn dây 3 bà N tham gia 03 phần, tổng số tiền mỗi tháng bà N đóng là 140.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim L là chủ hụi 03 dây hụi trên. Khi khui hụi các hụi viên đề cử bà N làm chủ hụi nhưng bà N không đồng ý, bà N có đề cử bà L làm chủ, các hụi viên cũng đồng ý và các hụi viên thống nhất chi cho bà L mỗi tháng 10.000.000 đồng để bà L đứng ra thu tiền hụi nhưng thực tế việc thu tiền hụi là do một số hụi viên thu về và đưa cho bà N. Sở dĩ mọi người đồng ý chi cho bà L mỗi tháng 10.000.000 đồng là do trước kia bà N đã từng giúp đỡ các hụi viên này. Sau khi thu tiền hụi thì bà N có giao tiền lại cho hụi viên được hốt của kỳ hụi đó nhưng sau đó thì họ lại giao tiền lại cho bà N để bà N mua cổ phần FPT, đối với 02 dây hụi trên thì đã khui được 03 kỳ, những hụi viên đã được hốt hụi gồm ông Võ Văn N, ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị Kim L. Bà N không chơi hụi thay cho bà L mà bà N cho bà L vay tiền để mua cổ phần nên bà N hốt tiền hụi của bà N. Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T về vệc yêu cầu ông Võ Văn N và ông Phan Văn B trả tiền hụi thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Còn với phần tiền hụi ông T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L thì bà Nguyễn Thị Kim N sẽ có trách nhiệm trả thay cho bà L vì số tiền hụi của bà L này do bà N hốt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T về việc yêu cầu các bị đơn ông Võ Văn N bồi thường thiệt hại số tiền 8.094.789 đồng (tám triệu không trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng), bà Nguyễn Thị Kim L bồi thường thiệt hại số tiền 4.188.570 đồng (bốn triệu một trăm tám mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi đồng) và ông Phan Văn B bồi thường thiệt hại số tiền 4.827.929 đồng (bốn triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi chín đồng) do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán hụi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T với các bị đơn ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị Kim L và ông Phan Văn B về việc tranh chấp hụi.

- Buộc ông Võ Văn N phải thanh toán cho ông Nguyễn Anh T số tiền hụi còn nợ là 29.920.336 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng).

- Buộc ông Phan Văn B phải thanh toán cho ông Nguyễn Anh T số tiền hụi còn nợ là 17.845.216 đồng (mười bảy triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm mười sáu đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải thanh toán cho ông Nguyễn Anh T số tiền hụi còn nợ là 15.481.986 đồng (mười lăm triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 9 năm 2020, bị đơn ông Phan Văn B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính lãi hụi của nguyên đơn; ông B chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền đã nhận. Ngày 18 tháng 9 năm 2020, bị đơn ông Võ Văn N có đơn kháng cáo nhưng ông N không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T là ông Nguyễn Hữu L với bị đơn ông Phan Văn B đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T là ông Nguyễn Hữu L với bị đơn ông Phan Văn B theo Biên bản làm việc ngày 04/01/2021 như sau: Bị đơn ông Phan Văn B trả thêm cho nguyên đơn ông Nguyễn Anh T số tiền nợ hụi (gốc) là 8.845.216 đồng (tám triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm mười sáu đồng).

- Về án phí sơ thẩm: Bị đơn tự nguyện chịu theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Anh T và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L (tên gọi khác: N) không kháng cáo bản án sơ thẩm. Ngày 18 tháng 9 năm 2020, bị đơn ông Võ Văn N có đơn kháng cáo nhưng ông N không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên coi như đã từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, quyết định của bản án sơ thẩm liên quan đến quyền lợi của ông Võ Văn N không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 282 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T là ông Nguyễn Hữu L; bị đơn ông Phan Văn B, bà Nguyễn Thị Kim L (tên gọi khác: N) có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Riêng bị đơn ông Võ Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai như vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Anh T, ông Phan Văn B và một số người khác là thành viên trong các dây hụi do bà Nguyễn Thị Kim L (tên gọi khác: N) làm chủ hụi, mỗi kỳ góp hụi, giao tiền thì chủ hụi được hưởng tiền hoa hồng. Do đó, nếu không có thỏa thuận khác thì ông Nguyễn Anh T (hụi viên) không có quyền khởi kiện ông Phan Văn B (hụi viên) để đòi tiền nợ hụi khi dây hụi bị chấm dứt hoạt động; trong trường hợp này trách nhiệm với các hụi viên là chủ hụi. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ có thỏa thuận nào khác giữa nguyên đơn ông T với bị đơn ông B; ông T có quyền khởi kiện ông B hay không mà thụ lý yêu cầu khởi kiện giữa ông T với ông B là chưa đúng bản chất của giao dịch dân sự về hụi. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T là ông Nguyễn Hữu L với bị đơn ông Phan Văn B đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T là ông Nguyễn Hữu L với bị đơn ông Phan Văn B theo Biên bản làm việc ngày 04/01/2021 như sau: Bị đơn ông Phan Văn B trả thêm cho nguyên đơn ông Nguyễn Anh T số tiền nợ hụi (gốc) là 8.845.216 đồng (tám triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm mười sáu đồng).

[3] Xét thấy, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phan Văn B tự nguyện chịu theo quy định pháp luật.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo là bị đơn ông Phan Văn B phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, 148, 282, 300, 308; 309 và 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn B.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Công nhận sự thỏa thuận người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T là ông Nguyễn Hữu L với bị đơn ông Phan Văn B như sau: Bị đơn ông Phan Văn B trả thêm cho nguyên đơn ông Nguyễn Anh T số tiền nợ hụi (gốc) là 8.845.216 đồng (tám triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phan Văn B tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Phan Văn B phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0048599 ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

6. Những phần Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương có liên quan đến quyền lợi của ông Nguyễn Anh T, ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị Kim L (tên gọi khác: N) không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP. D;
- TAND TP. D;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng